

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÀ VIỆT THÁI
Cho năm tài chính 2016

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÀ VIỆT THÁI
Địa chỉ: Số 27 Hàng Bài – Quận Hoàn Kiếm – TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÀ VIỆT THÁI
Cho năm tài chính 2016

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 ngõ 1295 - Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (84 43) 974 50 81/82 Fax: (84 43) 974 50 83
Hà Nội, tháng 05 năm 2017



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	8 - 9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÀ VIỆT THÁI

Địa chỉ: Số 27 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái (sau đây viết tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2009, ngày 22 tháng 08 năm 2016 Công ty chuyển trụ sở chính về Hà Nội và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4, mã số doanh nghiệp là 4600483821; thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 12 tháng 9 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 09 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: *Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ*

Trụ sở chính của Công ty: Số 27 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 32.236.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch
Ông Lý Kiến Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên
Bà Trần Thị Chinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
---------------------	----------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÀ VIỆT THÁI

Địa chỉ: Số 27 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

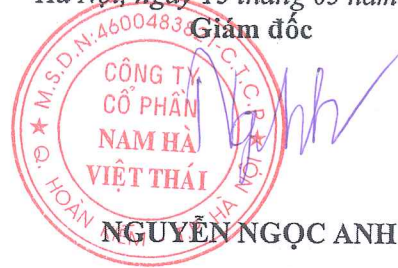
Báo cáo của Ban Giám đốc

được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2017

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC ANH



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi1999@gmail.com Website: www.cpahanoi.com



Số: 101 /2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái, được lập ngày 15 tháng 05 năm 2017, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 78/2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI ngày 20 tháng 03 năm 2017 do Báo cáo tài chính của Công ty con đã được kiểm toán

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN NGỌC TÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0132-2013-016-1

LÊ VĂN DÒ

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0231-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		86.072.368.269	73.276.113.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	1.494.858.585	135.026.682
1. Tiền		111		1.494.858.585	135.026.682
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		74.841.971.700	67.673.843.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	60.285.971.700	53.273.843.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	25.000.000	14.000.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.4	11.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5	3.531.000.000	400.000.000
IV. Hàng tồn kho		140		9.709.418.000	5.084.803.083
1. Hàng tồn kho		141	V.6	9.709.418.000	5.084.803.083
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		26.119.984	382.440.941
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7a	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		26.119.984	382.440.941
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		11.547.070.916	7.506.888.086
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
II. Tài sản cố định		220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>		222		34.900.000	34.900.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(34.900.000)	(34.900.000)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		-	462.566.494
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.9	-	462.566.494
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250	V.10	11.520.000.000	7.020.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		11.520.000.000	7.020.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác		260		27.070.916	24.321.592
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.7b	27.070.916	24.321.592
2. Lợi thế thương mại		269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		97.619.439.185	80.783.001.892

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C				
- NỢ PHẢI TRẢ	300		54.695.477.135	40.942.650.245
I. Nợ ngắn hạn	310		54.695.477.135	40.942.650.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	53.018.663.012	35.016.238.012
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	786.814.123	576.412.233
3. Phải trả người lao động	314		-	50.000.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		890.000.000	
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	5.300.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D				
- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.923.962.050	39.840.351.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	42.923.962.050	39.840.351.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.236.000.000	32.236.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.236.000.000	32.236.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.630.720.823	4.549.663.567
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		4.549.663.567	789.569.074
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.081.057.256	3.760.094.493
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.057.241.227	3.054.688.080
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.619.439.185	80.783.001.892

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cam
 Trần Thị Cẩm

Cam
 Trần Thị Cẩm



NGUYỄN NGỌC ANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72.331.879.286	84.651.336.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		72.331.879.286	84.651.336.131
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.393.115.283	79.612.192.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.938.764.003	5.039.143.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	706.000.019	472.131.694
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	48.750.000	167.929.917
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	590.564.324	408.821.279
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.005.449.698	4.934.579.663
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.401.400.000	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	536.425.172	-
14. Lợi nhuận khác	40		864.974.828	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.870.424.526	4.934.579.663
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	786.814.123	591.188.020
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.083.610.403</u>	<u>4.343.391.643</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>3.081.057.256</u>	<u>3.781.551.296</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>2.553.148</u>	<u>561.840.347</u>
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>955,78</u>	<u>1.173,08</u>


Hà nội, ngày 15 tháng 05 năm 2017

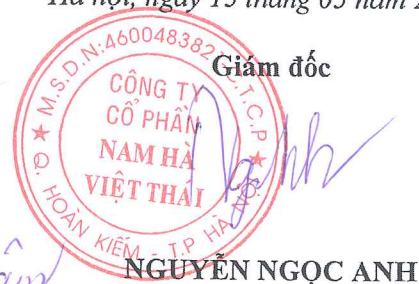
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Emili Chi Lam


Emili Chi Lam



(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		3.870.424.526	4.934.579.663
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	4.653.336
-	Các khoản dự phòng	03		-	(472.187.459)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(706.000.019)	
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			3.164.424.507	4.467.045.541
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	08		4.188.192.357	(41.884.217.977)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	09		(4.624.614.917)	14.382.816.38
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	10		19.304.966.251	16.596.872.64
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	11		(2.749.324)	(10.327.291)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12		(576.386.990)	(237.500.00)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.466.400.11
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(1.773.998.74)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.453.831.884	6.992.909.31
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.000.000.000)	(3.000.000.00)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.00
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.500.000.000)	(7.020.000.00)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.000.000.00
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		706.000.019	472.187.00
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.793.999.981)	3.452.187.00
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.500.00
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.300.000.000)	12.800.00
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(11.010.00)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.300.000.000)	3.290.00
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.359.831.903	(250.72)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	135.026.682	385.7
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.494.858.585	135.0

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

Hà nội, ngày 15 tháng 05 năm 2017

Người lập biểu

Lam
Trinh Chi Lam

Kế toán trưởng

Lam
Trinh Chi Lam

Giám đốc



Ngoc Anh
NGUYỄN NGỌC ANH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái (sau đây viết tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2009, ngày 22 tháng 08 năm 2016 Công ty chuyển trụ sở chính về Hà Nội và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4, mã số doanh nghiệp là 4600483821; thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 12 tháng 9 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty: Địa chỉ: Số 27 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 32.236.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (gia công, tuyển luyện than; sản xuất vật liệu hàn; chế biến phế liệu phế thải kim loại, bụi xỉ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp, thủy lợi, thủy điện);
- Phá dỡ
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (gỗ cây và gỗ chế biến, tre, nứa, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim);
- Cửa, xè, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị khai thác mỏ và luyện kim);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (mua bán hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), phế liệu phế thải kim loại (trừ gay ô nhiễm môi trường), bụi xỉ, phân bón)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kim loại quý, vàng bạc, bạch kim, sắt thép);
- Xây dựng nhà các loại
- Bán buôn thực phẩm (bán buôn chè);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng công trình đường bộ)
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mà công ty kinh doanh);
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và luyện kim);
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu (trồng nấm, mộc nhĩ);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội; dịch vụ cầm đồ);
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Chăn nuôi gia cầm
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

- Khai thác và thu gom than cứng

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Vốn điều lệ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Ngành nghề chính
1	Công ty Cổ phần Nông sản Nam Á	Đắk Nông	10.000.000.000	75%	Nông nghiệp

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế

biên và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi : Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị 05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trung đơng tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- **Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$



7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Hạch toán vào chi phí này bao gồm :

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ;

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	593.625.947	103.250.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	901.232.638	31.776.170
Cộng	1.494.858.585	135.026.682

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	10.077.563.100
Công ty Cổ phần Solavina		10.077.563.100
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	60.285.971.700	43.196.280.000
Công ty TNHH MTV Long Nguyên Đăk Lăk		16.185.150.000
Công ty TNHH MTV Nông sản Hòa Thắng		13.963.130.000
Công ty TNHH Nông sản Tây Ninh	51.493.000	9.848.000.000
Công ty CP Lê Gia		3.200.000.000

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư thương mại xuất khẩu Hưng Yên	5.481.660.000	
Công ty TNHH Hải Sơn	19.362.000.000	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt	5.103.418.700	
Công ty TNHH Nhân Hồng Ngọc Việt	29.937.400.000	
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long Anh	350.000.000	
Cộng	60.285.971.700	53.273.843.100

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long Anh		14.000.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K	25.000.000	
Cộng	25.000.000	14.000.000.000
	-	-

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	5.000.000.000	-
Ông Nguyễn Hải Đăng (1)	5.000.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.000.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Cường (2)	6.000.000.000	
Cộng	11.000.000.000	-

(1) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền số 02/2016/ĐTTTCNH-NVHT ngày 1/5, lãi suất 0,75%/tháng

(2) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền số 01/2016/ĐTTTCNH-NVHT ngày 1/4, lãi suất 0,75%/tháng

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.531.000.000		400.000.000	
Cộng	<u>3.531.000.000</u>		<u>400.000.000</u>	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	9.709.418.000		5.084.803.083	
Cộng	<u>9.709.418.000</u>		<u>5.084.803.083</u>	

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÀ VIỆT THÁI**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Đ/c: Số 27 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
7a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
7b. Chi phí trả trước dài hạn	27.070.916	24.321.592
Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.070.916	24.321.592
Cộng	<u>27.070.916</u>	<u>24.321.592</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	34.900.000	34.900.000
Số dư cuối quý	34.900.000	34.900.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	34.900.000	34.900.000
Số dư cuối quý	34.900.000	34.900.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng văn phòng	-	462.566.494
Cộng	-	<u>462.566.494</u>

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc	Số cuối năm		Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm		Giá trị hợp lý
		Dự phòng	Dự phòng			Dự phòng	Dự phòng	
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	4.500.000.000			4.500.000.000				
Công ty CP Nông nghiệp Việt Hưng (2)	4.500.000.000			4.500.000.000				
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	7.020.000.000			7.020.000.000	7.020.000.000			7.020.000.000
Công ty CP Thủy sản Sông Công (3)	3.600.000.000			3.600.000.000	3.600.000.000			3.600.000.000
Công ty CP Nông nghiệp Việt Nhật (4)	3.420.000.000			3.420.000.000	3.420.000.000			3.420.000.000
Cộng	11.520.000.000	-	-	11.520.000.000	7.020.000.000	-	-	7.020.000.000
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính				
(1) Công ty CP Thủy sản Sông Công	Thái Nguyên	18%	18%	Chăn nuôi thủy sản				
(2) Công ty CP Nông nghiệp Việt Nhật	Thái Nguyên	19%	19%	Trồng trọt nông nghiệp				
(3) Công ty CP Nông nghiệp Việt Hưng	Hưng Yên	45%	45%	Kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp				

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

11. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-	31.430.500.000	31.430.500.000
Công ty Cổ phần Solavina			31.430.500.000	31.430.500.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	53.018.663.012	53.018.663.012	3.585.738.012	3.585.738.012
Công ty CP Khoáng sản Quang Anh	3.585.738.012	3.585.738.012	3.585.738.012	3.585.738.012
Công ty TNHH XNK Nông Sản Thăng Long	4.986.400.000	4.986.400.000		
Ngô Quốc Luật	150.000.000	150.000.000		
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư AFX	1.580.000.000	1.580.000.000		
Công ty TNHH MTV Cà phê Huy Hùng	430.500.000	430.500.000		
Công ty TNHH Đức Hòa Đắk Lắk	6.308.000.000	6.308.000.000		
Công ty TNHH MTV Thương mại Hải Lưu	15.605.000.000	15.605.000.000		
Công ty TNHH Thương mại và XNK Hưng Thịnh	2.060.800.000	2.060.800.000		
Công ty TNHH Thương mại Thương Lưu	861.000.000	861.000.000		
Công ty TNHH Thiên Thành Phát	53.625.000	53.625.000		
Công ty TNHH MTV Xuân Phát	11.802.600.000	11.802.600.000		
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Đại Phát	5.595.000.000	5.595.000.000		
Cộng	53.018.663.012	53.018.663.012	35.016.238.012	35.016.238.012

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.243		25.243	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	576.386.990	786.814.123	576.386.990	786.814.123
Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
Cộng	576.412.233	791.814.123	581.412.233	786.814.123

13. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>	0		0	5.300.000.000	5.300.000.000	5.300.000.000
Nguyễn Thị Kim Nhung (1)				3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Nguyễn Thị Kim Dung (2)				2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Cộng	0		0	5.300.000.000	5.300.000.000	5.300.000.000

- (1) Hợp đồng vay vốn số 01/201015-VV/NKD-NHV ngày 20/10/2015, hợp đồng vay 3 tỷ, thời hạn 6 tháng, lãi suất 0%
 (2) Hợp đồng vay vốn số 02/201015/VV/NKD-NHV ngày 20/10/2015, hợp đồng vay 2,3 tỷ, thời hạn 6 tháng, lãi suất 0%

14. Vốn góp chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn góp chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	8	3
- Số dư đầu năm trước	32.236.000.000	789.569.074		33.025.569.074
- Tăng vốn trong năm trước			1.500.000.000	1.500.000.000
- Lãi tăng trong năm trước		3.781.551.296	561.840.347	4.343.391.643
- Tăng khác			1.000.000.000	1.000.000.000
- Giảm khác		(21.456.803)	(7.152.268)	(28.609.070)
- Số dư cuối năm trước	32.236.000.000	4.549.663.567	3.054.688.080	39.840.351.647
- Số dư đầu năm nay	32.236.000.000	4.549.663.567	3.054.688.080	39.840.351.647
- Lãi tăng trong năm		3.081.057.256	2.553.148	3.083.610.403
Số dư cuối năm nay	32.236.000.000	7.630.720.823	3.057.241.227	42.923.962.050

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Hải Đăng	640.000.000	640.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	1.500.000.000	1.500.000.000
Ông Nguyễn Hồng Quang	3.840.000.000	3.840.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	2.560.000.000	2.560.000.000
Bà Trần Thị Trinh	320.000.000	320.000.000
Ông Nguyễn Đức Tiến	676.000.000	676.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	1.550.000.000	1.550.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	1.466.660.000	1.466.660.000
Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1.350.000.000	1.350.000.000
Ông Lâm Ngọc Thắng	1.500.000.000	1.500.000.000
Ông Trần Thương Tường	2.000.000.000	2.000.000.000
Các đối tượng khác	14.833.340.000	14.833.340.000
Cộng	32.236.000.000	32.236.000.000

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.236.000.000	32.236.000.000
+ Vốn góp đầu năm	32.236.000.000	32.236.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	32.236.000.000	32.236.000.000

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

14.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	3.223.600	3.223.600
+ Cổ phiếu phổ thông	3.223.600	3.223.600
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.223.600	3.223.600
+ Cổ phiếu phổ thông	3.223.600	3.223.600
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Cộng	<u>3.223.600</u>	<u>3.223.600</u>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	72.331.879.286	84.651.336.131
Cộng	<u>72.331.879.286</u>	<u>84.651.336.131</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	69.393.115.283	79.612.192.731
Cộng	<u>69.393.115.283</u>	<u>79.612.192.731</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	706.000.019	472.131.694
Cộng	<u>706.000.019</u>	<u>472.131.694</u>

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên		105.000.000
Chi phí vật liệu, bao bì		3.781.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.750.000	55.000.000
Các chi phí khác		4.148.093
Cộng	<u>48.750.000</u>	<u>167.929.917</u>

(Các thuyết minh này từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	293.000.000	346.796.176
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.787.040	8.900.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.493.509	47.803.084
Các chi phí khác	21.283.775	5.322.000
Cộng	590.564.324	408.821.279

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi phát sinh từ việc ứng trước dự án của công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long Anh	1.401.400.000	
Cộng	1.401.400.000	

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Nộp phạt thuế	73.858.678	
Xử lý số dư xây dựng cơ bản dở dang	462.566.494	
Cộng	536.425.172	

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.870.424.526	4.934.579.663
Thuế TNDN công ty mẹ	786.814.123	591.188.020
Thuế TNDN công ty con		
Thuế TNDN hiện hành phải nộp	786.814.123	591.188.020

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.081.057.256	3.781.551.296
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.081.057.256	3.781.551.296
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.223.600	3.223.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	955,78	1.173,08

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	293.000.000	451.796.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.243.509	102.803.084
Chi phí khác	45.070.815	22.151.936
Cộng	639.314.324	576.751.196

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	1.494.858.585	1.494.858.585
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
- Đầu tư tài chính dài hạn	11.520.000.000	11.520.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng	60.285.971.700	60.285.971.700
- Trả trước cho người bán	25.000.000	25.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	3.531.000.000	3.531.000.000

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được xác định lại theo tỷ giá tại ngày lập Báo cáo tài chính nhất. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Số dư ngày 31/12/2016
- Phải trả ngắn hạn khác	890.000.000
- Phải trả người bán	53.018.663.012
- Người mua trả tiền trước	0

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại, dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	53.018.663.012		53.018.663.012
- Người mua trả trước	0		0
- Phải trả ngắn hạn khác	890.000.000		890.000.000

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Solavina	(*)	Bán hàng trong kỳ	5.874.286.645
Công ty CP Solavina	(*)	Thanh toán tiền hàng	47.382.349.745
Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000
Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc	Tạm ứng	2.000.000.000

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị (VND)	
			31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Solavina	(*)	Phải thu khách hàng		10.077.563.100
Công ty CP Solavina	(*)	Phải trả người bán		31.430.500.000
Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	
Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc	Tạm ứng	2.000.000.000	

(*) Ông Nguyễn Hồng Quang, Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Solavina.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

4. Thông tin về thuế


Thuế suất thuế TNDN 20%

Thuế giá trị gia tăng đầu ra 10%

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2017

Người lập biểu


Trần Thị Cẩm

Kế toán trưởng


Trần Thị Cẩm

Giám đốc


NGUYỄN NGỌC ANH